TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NG VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**

Bản án số: 15/2022/HS-ST
Ngày 16-02-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NG VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Chinh.
Thẩm phán: Ông Ngô Văn Thắng.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Phi Long, ông Trần Văn Sinh, bà Đỗ Thị Xanh.
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Công Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:* Ông Đoàn Quốc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 150/2021/TLST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST- HS ngày 04 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Văn H**; sinh ngày 08/9/1995, tại thành phố U, tỉnh Q; nơi cư trú: tổ 5, khuT, phường P, thành phố U, tỉnh Q; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn P và bà Lưu Thị V; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: chưa có; bị cáo bị bắt truy nã ngày 29/5/2021, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

- *Người bào chữa:* Luật sư Đinh Đ Trung, Công ty Luật TNHH Trường An Hưng thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ninh. Địa chỉ: Số 168, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

- *Bị hại:* Chị Nguyễn Mai H, sinh năm 1997. Địa chỉ: Tổ 2, khu 8, phường H, thành phố L, tỉnh Q, có mặt.

- *Người có quyền lợi và Ng vụ liên quan:*

+ Anh Vũ Hữu Th, sinh năm 1984. Trú tại: khu 4, phường K, thành phố M, tỉnh Q, có mặt. Người đại diện theo ủy quyền của anh Vũ Hữu Th là anh Lương Văn Đ, sinh năm 1980, trú tại Số 23, Lê Quý Đôn, khu Thọ Xuân, phường H, TP. M, tỉnh Q, có mặt.

+ Anh H Văn Ng, sinh năm 1990. Trú tại: Tổ 8, khu 3, phường H thành phố L, tỉnh Q, vắng mặt.

+ Anh Vũ Hải Đ, sinh năm 1988. Trú tại: Khu 4, Yên Lâm, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Q, vắng mặt.

+ Chị Lưu Thị V, sinh năm 1971, Trú tại: Tổ 5, khu T, phường P, thành phố U, tỉnh Q, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 02/2020, lợi dụng tình hình dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến phức tạp, nhu cầu người mua bán mặt hàng khẩu trang tăng cao. Mặc dù không có nguồn khẩu trang cung cấp, nhưng Lê Văn H vẫn đăng tin lên trang mạng xã hội Facebook với nội dung "bán khẩu trang y tế". Khi có khách liên hệ, H đã đưa ra thông tin không có thật để người mua tin tưởng chuyển tiền đặt cọc cho H. Sau khi nhận tiền, H không thực hiện việc cung cấp khẩu trang như đã hứa, mà dùng tiền đặt cọc sử dụng nạp vào game đánh bạc trên mạng và bị thua hết, sau đó bỏ trốn. Cụ thể như sau:

Ngày 01/02/2020, qua mạng xã hội Facebook anh Vũ Hải Đ (Giám đốc Công ty TNHH xuất nhập khẩu và thương mại Rất Văn T (địa chỉ: 51 Thủ Khoa Huân, phường An Hải Đông, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng), thấy nick Facebook "H Nguyễn" của chị Nguyễn Mai H (sinh năm 1997, trú tại: Tổ 2, khu 8, phường H, thành phố L), đăng tin bài bán khẩu trang y tế nên nhắn tin hỏi và đặt vấn đề mua 700 thùng khẩu trang y tế. Chị H nói sẽ đáp ứng đủ số lượng hàng cho anh Đ và thống nhất giá bán 01 thùng là 4.500.000 đồng, anh Đ phải đặt cọc trước 30% tổng giá trị tiền hàng, anh Đ đồng ý. Sau khi thống nhất, anh Đ nhờ bạn là chị Nguyễn Thị H (sinh năm 1981, trú tại: Khu 1, phương H, thành phố M) tìm hiểu và đến nhà gặp H để ký hợp đồng mua bán lô khẩu trang trên. Trong các ngày 01/02 và 03/02/2020 anh Đ đã chuyển khoản cho chị H số tiền 200.000.000 đồng để đặt cọc mua lô khẩu trang trên. Ngay sau khi nhận tiền của anh Đ, chị H đã tìm trên mạng xã hội liên hệ và đặt cọc tiền với một người có nick facebook có tên "Cẩm Lai" để mua khẩu trang bán lại cho anh Đ hưởng chênh lệch, nhưng không được và được trả lại tiền đặt cọc. Lúc này, thấy nick Facebock "Lê H" của Lê Văn H đăng tin bài bán khẩu trang y tế, nên chị H nhắn tin, gọi điện đặt vấn đề mua 700 thùng khẩu trang y tế của H. H đồng ý và nói với chị H có nguồn khẩu trang số lượng lớn thu gom của các Công ty y tế trong miền Nam với đầy đủ giấy tờ và chất lượng đảm bảo, đủ khả năng cung cấp hàng cho chị H. Để tạo lòng tin, H lên mạng sao chép nhiều hình ảnh, clip quay các thùng hàng khẩu trang và kho chứa hàng khẩu trang rồi gửi cho chị H. H nói với chị H đây là hình ảnh thực tế của các xưởng H thu gom mua, giá bán 2.500.000đồng/1 thùng, chị H phải chuyển trước cho H 50% giá trị lô hàng để đặt cọc, tin tưởng H, chị H đồng ý. Sau khi thống nhất, chị H đến nhà H gặp, nói chuyện trực tiếp. Sau đó, theo chỉ dẫn của H, chị H chuyển 100.000.000 đồng là tiền đặt cọc của anh Đ đến tài khoản cô ruột H là chị Lê Thị L (sinh năm 1976, trú tại: Tổ 9, khu 4, phường L, thành phố L), để đặt cọc mua khẩu trang của H.

Từ ngày 04/02/2020 đến ngày 10/02/2020, thông qua chị Huyền, anh Đ đã chuyển 03 lần tổng số tiền 900.000.000 đồng vào tài khoản của chị H, đồng thời anh Đ nhờ chị Huyền đại diện cho Công ty anh Đ, ký hợp đồng mua bán khẩu trang với chị H và thống nhất giao hàng làm hai lần, lần thứ nhất là vào ngày 16/02/2020, số lượng 400 thùng, địa điểm nhận hàng gần Viện 108 Hà Nội và lần thứ hai vào ngày 20/02/2020, số lượng 300 thùng, địa điểm nhận hàng tại thành phố Hạ Long. Ngày 04/02/2020, chị H chuyển 390.000.000 đồng cho H thông qua tài khoản của cô ruột H là chị Lê Thị L (sinh năm 1976, trú tại: Tổ 9, khu 4, phường L, thành phố L); ngày 06/02 và ngày 07/02/2020, chị H chuyển tiếp 330.000.000 đồng đến tài khoản của H tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, để đặt cọc tiền mua khẩu trang. Ngay sau khi nhận tiền của chị H, H đã sử dụng số tiền này chuyển vào tài khoản số 101870773029 mang tên Đặng Thị Thân để quy đổi ra "*tiền ảo*", nạp vào tài khoản tên nhân vật là "*Xiem6666*" của H để đánh bạc qua mạng tại trang Web "*Hũ nổ.Club*" và thua hết.

Để tiếp tục có tiền đánh bạc, H đã lên mạng xã hội tìm kiếm sao chụp lại các hình ảnh bao bì thùng khẩu trang y tế rồi gửi vào điện thoại cho chị H, nói dối đó là lô khẩu trang của chị H, nhưng do chị H chuyển tiền nhiều lần trong nhiều ngày, nên không thực hiện được hợp đồng, nếu muốn thực hiện tiếp thì phải chuyển thêm cho H 375.000.000 đồng nữa. Chị H tin là thật, nói lại sự việc này cho anh Đ. Sợ phía phía khách đặt hàng của anh Đ phạt vi phạm hợp đồng, nên anh Đ đồng ý nhưng chỉ chuyển thêm 300.000.000 đồng và yêu cầu chị H cho chủ hàng viết giấy xác nhận sẽ không yêu cầu chuyển thêm tiền để thực hiện hợp đồng. Chị H nói lại với H, H bảo chị H viết 01 bản viết tay nội dung "*cam kết nhận đủ số tiền phát sinh sẽ không yêu cầu chuyển thêm tiền và giao hàng theo đúng thỏa thuận*", chị H ký tên của H và chụp lại gửi cho anh Đ. Ngày 14/02/2020, anh Đ chuyển 300.000.000 đồng vào tài khoản của chị H. Trong ngày 14/02/2020 và ngày 15/02/2020, chị H đã chuyển 280.000.000 đồng cho H, H vẫn tiếp tục sử dụng tiền đặt cọc của chị H chuyển để đánh bạc.

Cũng trong thời gian này, thông qua Facbock của chị Nguyễn Mai H, anh H Đ Ng (trú tại: phường H, thành phố L) biết thông tin chị H có khẩu trang y tế bán. Ngày 15/02/2020, anh Ng giới thiệu cho anh Vũ Hữu Th (trú tại: Khu 4, phường K, thành phố M) mua khẩu trang của chị H. Anh Th đặt vấn đề mua 300 thùng khẩu trang y tế của chị H. Chị H đồng ý và liên lạc với H để đặt mua thêm 300 thùng khẩu trang y tế. Mặc dù không có nguồn khẩu trang để cung cấp cho chị H, nhưng vì số tiền chị H đặt cọc của lô hàng trước H đã sử dụng đánh bạc thua hết, nên H nói dối chị H là vẫn có đủ hàng bán cho chị H, nhằm mục đích chiếm đoạt tiền đặt cọc của chị H để tiếp tục đánh bạc. H báo giá với chị H là 7.000.000 đồng/01 thùng khẩu trang và phải đặt cọc trước 30% tổng giá trị lô hàng. Chị H báo lại với anh Ng giá bán là 9.000.000 đồng/01 thùng khẩu trang (chị H hưởng chênh lệch 2.000.000đồng/thùng). Anh Ng thỏa thuận với chị H, khi anh Th đến ký hợp đồng, chị H báo giá 12.000.000 đồng/1 thùng khẩu trang để anh Ng được hưởng chênh lệch 3.000.000 đồng/1 thùng, chị H đồng ý. Sau đó, anh Ng thông báo cho anh Thg biết. Khoảng 20 giờ ngày 15/02/2020, tại phòng 2804 Chung cư Lideco, phường T, thành phố L của chị Đoàn Thanh H (là em họ của anh Th), anh Th và chị H gặp nhau để ký hợp đồng mua bán lô khẩu trang y tế trên. Theo thỏa thuận, số lượng

hàng sẽ mua bán là 300 thùng khẩu trang, với giá 12.000.000 đồng/1 thùng. Tổng giá trị lô hàng là 3.600.000.000 đồng, nhưng sẽ viết trong hợp đồng mua bán số lượng là 2.057 thùng, tổng giá trị hợp đồng là 3.599.750.000 đồng, mục đích để hợp thức hóa về thủ tục hoá đơn chứng từ. Chị H yêu cầu anh Th phải đặt cọc trước 30% giá trị hợp đồng, tương đương với số tiền khoảng 1.080.000.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng, chị H đề nghị anh Th chuyển trước 50.000.000 đồng để giữ lô hàng. Anh Th đồng ý và thông qua tài khoản của bạn là anh Nguyễn Văn Toàn, anh Th đã chuyển 50.000.000 đồng cho chị H. Sau khi nhận tiền, chị H đã chuyển số tiền này đến tài khoản của H để đặt cọc mua khẩu trang cho anh Th.

Đến ngày 16/02/2020, H lấy lý do chị H chuyển tiền chậm nên không thực hiện được hợp đồng mua bán lô 700 thùng khẩu trang với anh Đ. Và để chị H không nghi ngờ, H nói sẽ trả lại tiền đặt cọc cho chị H, nhưng do định mức giao dịch tài khoản mỗi ngày của H chỉ được 100.000.000 đồng, nên H sẽ trả theo từng ngày. Còn lô hàng 300 thùng khẩu trang (hợp đồng với anh Th) thì H vẫn thực hiện với chị H. Chị H không biết ý đồ của H nên đồng ý và thông báo lại nội dung này cho anh Đ. Anh Đ yêu cầu chị H phải trả lại số tiền 1.400.000.000 đồng đã đặt cọc và tiền phạt vi phạm hợp đồng.

Ngày 17/02/2020, thông qua tài khoản của bạn anh Th là anh Đinh Văn Ph và chị Trần Thị L, anh Th đã chuyển số tiền 1.330.000.000 đồng đến tài khoản của chị H. Sau khi nhận tiền, chị H chuyển 300.000.000 đồng đến tài khoản của H để đặt cọc mua lô 300 thùng khẩu trang cho anh Th; đồng thời chuyển trả anh Th 300.000.000 đồng (vì anh Th chuyển vượt quá số tiền đặt cọc 1/3 giá trị hợp đồng); H nhận tiền xong thì bảo chị H ứng trả anh Đ 500.000.000 đồng tiền đặt cọc hợp đồng lô 700 thùng khẩu trang với anh Đ, H trả lại chị H sau. Chị H tin H nên đã thực hiện theo chỉ dẫn của H; chị H rút 180.000.000 đồng đưa cho anh Ng là tiền chênh lệch hợp đồng mà anh Ng được hưởng theo thỏa thuận với chị H nếu việc mua bán khẩu trang hoàn thành, còn lại 50.000.000 đồng chị H tính là sẽ lãi được, giữ lại chi tiêu cá nhân.

Toàn bộ số tiền chị H chuyển cho H, H đều nạp vào game đánh bạc và cũng có ngày thắng và được chuyển lại tiền, nên từ 17/02/2020 đến ngày 22/02/2020, H đã chuyển trả mỗi ngày 100.000.000 đồng đến tài khoản của chị H được tổng số tiền 600.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền này, chị H đều chuyển trả tiền đặt cọc cho anh Đ. Đến ngày 24/02/2020, anh Đ đến nhà chị H đòi tiền, gia đình chị H đã trả số tiền 300.000.000 đồng cho anh Đ. Tổng số tiền chị H và gia đình đã trả cho anh Đ là 1.400.000.000 đồng, nên anh Đ không có đơn đề nghị gì với Cơ quan Công an.

Đến ngày 25/02/2020, số tiền chị H đặt cọc mua khẩu trang H đã đánh bạc thua hết, H lập giả một đường link có bài viết "*Thu giữ 15.000 hộp khẩu trang y tế bán với giá 1 tỷ 500 triệu đồng cho lái buôn Quảng Ninh của trang báo Danviet*" gửi cho chị H và nói dối chị H là lô hàng khẩu trang y tế bị Cục quản lý thị trường thành phố Hồ Chí Minh bắt giữ và bảo chị H phải gửi thêm 750.000.000 đồng để lo xin lô hàng ra. Chị H xem bài báo, tin là thật và nói lại sự việc này cho anh Th biết và bảo anh Th chuyển thêm 750.000.000 đồng theo lời của H. Do sợ bị phía đối tác phạt vi phạm hợp đồng nên anh Th đồng ý, nhưng do chưa có tiền để

chuyển ngay nên anh Th bảo chị H vay tạm tiền ứng ra trước rồi anh Th sẽ chuyển trả cho chị H sau. Chị H đã vay của anh Ngô Văn Tùng (sinh năm 1995, trú tại: Tổ 25, khu 2, phường Cao Xanh, thành phố Hạ Long) số tiền 300.000.000 đồng và mượn chiếc xe ô tô 05 chỗ của mẹ đẻ là bà Trần Thị Thanh Thủy thế chấp cho anh Tùng làm tin. Số tiền 300.000.000đồng vay của anh Tùng, chị H chuyển hết đến tài khoản của H. Ngày 26/02/2020, anh Th chuyển đến tài khoản của chị H 750.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, trong cùng ngày 26/02/2020, chị H đã chuyển 425.000.000 đồng đến tài khoản của H; chuyển 314.400.000 đồng để trả cho anh Ngô Văn Tùng (trong đó 300.000.000 đồng là tiền gốc và 14.400.000 đồng là tiền lãi theo thỏa thuận); còn 10.600.000 đồng chị H tính lãi trước, giữ lại chi tiêu cá nhân vì cho rằng hợp đồng vẫn thực hiện được. Đến tối cùng ngày 26/02/2020, chị H tự kiểm tra lại và biết bài báo H gửi cho chị H là giả, không đúng sự thật. Lúc này, chị H mới biết H không thực hiện được việc mua bán khẩu trang y tế với chị H, nên đã yêu cầu H phải trả lại số tiền đã đặt cọc. H nói sẽ trả lại tiền cho chị H, nhưng mỗi ngày chỉ trả được 100.000.000 đồng. Sau đó, chị H gọi điện thông báo cho anh Th biết việc không thực hiện được việc mua bán lô 300 thùng khẩu trang với anh Th. Anh Th yêu cầu chị H phải trả ngay số tiền đã đặt cọc là 1.830.000.000 đồng cho anh Th, nhưng vì số tiền anh Th đặt cọc chị H đã chuyển hết cho H, nên chị H nói với anh Th khi nào H trả tiền, thì chị H sẽ trả lại đủ cho anh Th.

Ngày 27/02/2020, H chuyển trả 100.000.000 đồng đến tài khoản của chị H. Chị H lấy số tiền này chuyển trả cho chồng là Nguyễn Minh H, vì trước đó ngày 22/02/2020, anh H chuyển cho chị H 100.000.000 đồng, để chị H chuyển cho H mua khẩu trang cho anh Hải. Ngày 28/02/2020, H chuyển tiếp 100.000.000 đồng đến tài khoản của chị H. Chị H chuyển số tiền này cho anh Ng và thông báo cho anh Ng biết việc không thực hiện được hợp đồng mua bán khẩu trang với anh Th và bảo anh Ng trả lại 180.000.000 đồng cho anh Th. Anh Ng đồng ý và đã chuyển 280.000.000 đồng trả cho anh Th. Ngày 29/02/2020, anh Th đến nhà chị H để yêu cầu chị H trả số tiền 1.550.000.000 đồng còn lại. Do không có tiền trả anh Th, nên chị H viết 01 giấy biên nhận ghi lại nội dung: *chị H đã nhận của anh Th số tiền mua bán khẩu trang là 1.830.000.000 đồng, đã thanh toán 280.000.000 đồng, hẹn đến ngày 02/3/2020 sẽ thanh toán số tiền 1.550.000.000 đồng*. Do đến hẹn chị H không trả được tiền cho anh Th, ngày 19/3/2020 anh Th làm đơn tố cáo chị H đến Cơ quan Công an. Còn Lê Văn H, từ ngày 29/02/2020 do số tiền chị H đặt cọc để mua khẩu trang, H đã sử dụng đánh bạc thua hết, không còn khả năng trả lại cho chị H, nên H tắt điện thoại và bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 20/01/2021, chị Nguyễn Mai H làm đơn tố cáo hành vi của Lê Văn H đến Cơ quan Công an. Ngày 29/5/2021, Lê Văn H bị bắt theo Quyết định truy nã. Cơ quan điều tra tạm giữ của H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax và 01 căn cước công dân của H.

Tại sao kê lịch sử giao dịch tài khoản số 19033190992019 của chị Nguyễn Mai H, tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank) thể hiện: từ ngày 01/02/2020 đến ngày 26/02/2020, tài khoản của chị H đã chuyển vào số tài khoản 100868637248 của Lê Văn H tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Vietinbank) tổng số tiền là 1.785.000.000đồng và chuyển số tiền

390.000.000 đồng vào tài khoản 0141000124868 của cô ruột H là Lê Thị L, để đặt cọc mua khẩu trang.

Tại sao kê lịch sử giao dịch tài khoản số 100868637248 của Lê Văn H thể hiện số tiền phát sinh tại mục "có" tương ứng số tiền chị H đã chuyển. Sao kê tài khoản của Lê Văn H cũng thể hiện: Từ ngày 06/02/2020 đến ngày 27/02/2020, H đã chuyển số tiền 2.175.000.000đ (*hai tỷ một trăm bảy mươi lăm triệu đồng*) mà chị H chuyển, đến tài khoản số 101870773029 mang tên Đặng Thị Thân với nội dung giao dịch "*mua hu no + xiem6666*". Số dư tài khoản của Lê Văn H đến cuối ngày 29/02/2020 còn lại 151.432 đồng.

Công văn phúc đáp số 1587/QLTT - VHTH ngày 25/6/2020, của Cục Quản lý thị trường thành phố Hồ Chí Minh, xác nhận: Từ tháng 01/2020 đến ngày 25/6/2020, Cục Quản lý thị trường thành phố Hồ Chí Minh không kiểm tra, xử lý hoạt động kinh doanh khẩu trang nào liên quan đến cá nhân có tên Nguyễn Mai H và Vũ Hữu Th (đường link có bài viết H gửi cho chị H).

Tại Biên bản kiểm tra điện thoại của chị Nguyễn Mai H: Trong mục tin nhắn Messenger và Facebook thấy phần nội dung tin nhắn với nick của Lê Văn H, có nhiều nội dung tin nhắn liên quan đến việc chị H đặt mua khẩu trang của H và nhiều hình ảnh, clip hình ảnh bao bì thùng khẩu trang y tế H gửi cho chị H.

Tại Cơ quan điều tra, Lê Văn H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên. H khai: Do cần tiền để đánh bạc, H vào các trang mạng xã hội lấy các hình ảnh, thông tin về nguồn khẩu trang y tế rồi đăng lên trang cá nhân bán khẩu trang y tế. Mục đích khi có người đặt mua, H sẽ lấy tiền đặt cọc để đánh bạc, nếu thắng H sẽ đưa ra những lý do không thực hiện được và trả tiền đặt cọc để người mua không phát hiện bị lừa; nếu thua H sẽ đưa ra những lý do để người mua tiếp tục chuyển tiền đặt cọc, thì H sẽ dùng tiền này để đánh bạc tiếp gỡ lại. Đối với số tiền khách chuyển đặt cọc cho chị H lần 2, H bảo chị H lấy 500.000.000 đồng để trả lại khách đợt một do không thực hiện được hợp đồng, H sẽ trả lại chị H, nhưng do đã đánh bạc thua hết, nên H không có trả chị H.

Đối với hình thức đánh bạc: H lập một tài khoản để đánh bạc là "Xiem 666" với nick truy cập là "Xiem 1995", pass là "Thuychi 1995" trên trang wed "Nổ hũ - Hũ nổ" để tham gia đánh bạc qua mạng hình thức tài - xỉu. Với tài khoản trên, H nạp 1.000.000 đồng thì được 1.170.000 đồng tiền ảo, nếu đánh thắng thì đổi tiền ảo thành tiền thật và lấy tiền chuyển qua tài khoản ngân hàng Vietinbank của H. Với quy đổi lại 1.250.000 đồng tiền ảo được 1.000.000 đồng tiền thật.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Vũ Hữu Th yêu cầu chị Nguyễn Mai H phải trả lại số tiền 1.550.000.000 đồng. Chị Nguyễn Mai H yêu cầu bị cáo Lê Văn H phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt là 1.475.000.000 đồng, để chị H trả lại anh Th. Quá trình điều tra, gia đình H đã tự nguyện nộp số tiền 50.000.000 đồng để khắc phục hậu quả.

Tại bản cáo trạng số: 174/CT - VKSQN – P2 ngày 26 tháng 11 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã truy tố Lê Văn H về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự;

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn H thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng mô tả, quy kết; bị cáo ăn năn hối hận về hành vi do mình gây ra.

Bị hại Nguyễn Mai H có mặt tại phiên tòa, có quan điểm: Chị Nguyễn Mai H yêu cầu bị cáo Lê Văn H phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt là 1.475.000.000 đồng, trừ đi số tiền 50.000.000 đồng gia đình bị cáo đã bồi Th, số tiền còn lại chị đề nghị HĐXX buộc bị cáo phải trả lại cho chị là 1.425.000.000đ để chị trả lại cho anh Vũ Hữu Th. Chị Nguyễn Mai H đồng ý trả lại cho anh Vũ Hữu Th 1.550.000.000 đồng trong đó có số tiền 50.000.000 đồng do gia đình bị cáo H đã bồi Th, chị H đã nộp cho Cơ quan điều tra.

Người có quyền lợi và Ng vụ liên quan là anh Vũ Hữu Th và người đại diện là anh Lương Văn Đ yêu cầu chị Nguyễn Mai H trả cho anh Th tổng số tiền 1.550.000.000 đồng. Ngoài ra anh Đ còn đề nghị xem xét trách nhiệm hình sự đối với chị Nguyễn Mai H.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Mai H và anh Vũ Hữu Th thống nhất thỏa thuận: Chị Nguyễn Mai H có Ng vụ trả lại cho anh Vũ Hữu Th số tiền 1.550.000.000đ, trong đó trả trước số tiền 50.000.000đ gia đình bị cáo H đã bồi Th cho chị H, hiện đang tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Ninh; Anh Vũ Hữu Th đồng ý nhận số tiền 50.000.000đ này và yêu cầu chị Nguyễn Mai H còn phải tiếp tục trả cho anh Th 1.500.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh sau khi phân tích, đánh giá tính chất, hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Lê Văn H; đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên bố bị cáo Lê Văn H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Lê Văn H từ 13 năm tù đến 14 năm tù; Về trách nhiệm dân sự buộc bị cáo phải trả lại số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại 1.425.000.000 đồng; Buộc chị Nguyễn Mai H phải trả cho anh Vũ Hữu Th số tiền 1.550.000.000 đồng được trừ số tiền 50 triệu đồng chị H đã nộp tại Cơ quan điều tra số tiền còn lại phải trả cho anh Th 1.500.000.000 đồng; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo và xử lý vật chứng theo qui định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo có quan điểm: Luật sư không phản đối quan điểm truy tố về tội danh đối với bị cáo. Tuy nhiên luật sư chưa đồng tình về việc Viện kiểm sát đã áp dụng cả điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự với lý do đã áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174 là tình tiết định khung thì không áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 đối với bị cáo. Do đó bị cáo có 2 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức án thấp hơn khung hình phạt.

Bị cáo đồng ý với quan điểm của luật sư và không tranh luận bổ sung.

Bị hại không có ý kiến tranh luận.

Người có quyền lợi và Ng vụ liên quan Vũ Hữu Th và người được ủy quyền: Không đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát. Với lý do: Bị cáo quanh co, chối tội, không thành khẩn. Số tiền 280 triệu đồng là Mạnh và Ng trả lại cho

anh Th chứ không phải là chị H trả cho anh Th. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, tránh bỏ lọt tội phạm đối với 4 người: là các anh Ng, Mạnh, Hải và chị H. Đề nghị Hội đồng xét xử trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp:

Đối với ý kiến của luật sư bào chữa: Viện kiểm sát cho rằng: mỗi lần phạm tội của bị cáo đều vượt mức 500 triệu đồng theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự, do đó Viện kiểm sát truy tố bị cáo theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự và áp dụng tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Đối với quan điểm của anh Định: Về số tiền 280 triệu đồng chị H trả lại cho anh Th là Chị H sau khi hợp đồng không thực hiện được đã yêu cầu anh Ng, anh Mạnh chuyển trả lại chị H số tiền nói trên để chị H trả cho anh Th. Về quan điểm bỏ lọt tội phạm: như đã được làm rõ tại phiên tòa, kết hợp với các chứng cứ thu thập trong quá trình điều tra, Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo Lê Văn H là đúng người, đúng tội, không bỏ lọt tội phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an tỉnh Quảng Ninh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra và khẳng định, những lời khai nhận tại cơ quan điều tra là tự nguyện, đúng sự thật; xét thấy lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và Ng vụ liên quan, lời khai của người làm chứng; phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ đã được làm rõ tại phiên tòa, đã đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 01/02/2020 đến ngày 26/02/2020, trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, mặc dù không có nguồn khẩu trang để bán, nhưng Lê Văn H đã nhiều lần đưa ra những thông tin gian dối, làm chị Nguyễn Mai H tưởng thật. Khi chị H tin tưởng, đã nhiều lần chuyển cho H tổng số tiền 2.175.000.000 (*hai tỷ một trăm bảy mươi lăm triệu đồng*), là tiền đặt cọc chị H nhận của các anh Vũ Hải Đ và Vũ Hữu Th để mua khẩu trang. Sau khi nhận được số tiền này của chị H, H đã chiếm đoạt và sử dụng để đánh bạc qua mạng và bị thua hết, sau đó bỏ trốn.

Hành vi nêu trên của bị cáo Lê Văn H đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" thuộc trường hợp chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên, quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự, có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã nêu và viện dẫn là có căn cứ pháp luật.

Bị cáo Lê Văn H nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng muốn có tiền để đánh bạc, bị cáo đã thực hiện hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác; hành vi phạm tội của bị cáo không chỉ xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn thể hiện sự bất chấp pháp luật, làm mất trật tự, trị an, xã hội. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian dài để cải tạo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung;

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Văn H bị áp dụng tình tiết tăng nặng "Phạm tội 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Văn H khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; Bị cáo đã khắc phục, bồi Th được một phần tài sản đã chiếm đoạt cho bị hại Nguyễn Mai H nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, theo quy định tại các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Không có đủ căn cứ để áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo lừa đảo chiếm đoạt của bị hại với tổng số tiền 2.175.000.000 (*hai tỷ một trăm bảy mươi lăm triệu đồng*). Hiện tại anh Vũ Hải Đ đã nhận lại đủ số tiền từ chị Nguyễn Mai H, anh Đ không còn yêu cầu gì; số tiền còn lại được xác định là 1.475.000.000 đồng mà bị cáo còn phải cho chị H (trừ đi số tiền 50.000.000 đồng gia đình bị cáo đã bồi Th). Như vậy bị cáo Lê Văn H phải có trách nhiệm bồi Th số tiền đã chiếm đoạt còn lại cho bị hại Nguyễn Mai H 1.425.000.000đ (một tỷ, bốn trăm hai mươi lăm triệu đồng).

Đối với số tiền 1.830.000.000đ (một tỷ tám trăm ba mươi triệu đồng) của người có quyền lợi và Ng vụ liên quan Vũ Hữu Th mà chị Nguyễn Mai H đã nhận của anh Th để chuyển cho bị cáo H, nhưng đến nay chị H mới chỉ trả lại anh Th được 280.000.000 đồng, số tiền còn lại là 1.550.000.000 đồng chị H phải có Ng vụ tiếp tục trả cho anh Th. Tại phiên tòa chị H và anh Th đã thống nhất chị H trả cho anh Th số tiền 50 triệu đồng đang tạm giữ tại kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Ninh. Như vậy, chị H còn phải trả cho anh Th 1.500.000.000 đồng.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax thu của Lê Văn H có liên quan đến hành vi phạm tội nên tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 thẻ Căn cước công dân là giấy tờ cá nhân, cần trả lại cho bị cáo Lê Văn H.

[7] Về các vấn đề khác:

- Đối với chị Nguyễn Mai H thông qua hình thức hợp đồng, nhận số tiền đặt cọc của anh Vũ Hữu Th là 1.830.000.000 đồng để cung cấp mặt hàng khẩu trang y tế cho anh Th. Sau khi ký kết hợp đồng với anh Th, thực tế chị H đã chuyển cho Lê Văn H 1.475.000.000 đồng để mua khẩu trang của H giao cho anh Th. Bản thân chị H

cũng phải đi vay 300.000.000đ của anh Ngô Văn Tùng để chuyển cho bị cáo H theo đề nghị của anh Th. Ngay sau khi biết bị H lừa chiếm đoạt tiền đặt cọc, chị H đã thông báo cho anh Th biết và đã trả lại anh Th 280.000.000 đồng. Khi anh Th đến nhà chị H yêu cầu trả lại số tiền đặt cọc mua khẩu trang, do chưa có tiền trả nên chị H đã viết giấy nhận nợ lại anh Th 1.550.000.000 đồng. Việc ký hợp đồng mua bán khẩu trang y tế giữa chị H và anh Th là giao dịch dân sự.

- Đối với hành vi đánh bạc của Lê Văn H, quá trình điều tra không có căn cứ mở rộng và làm rõ, nên không đề cập xử lý.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự, chị Nguyễn Mai H phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản";

[1] Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn H 13 (mười ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/5/2021.

[2] Áp dụng: Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; khoản 1 Điều 589; Điều 357 của Bộ luật dân sự;

Bị cáo Lê Văn H có Ng vụ trả cho chị Nguyễn Mai H số tiền 1.475.000.000 đồng (được trừ đi số tiền 50.000.000đ gia đình bị cáo đã bồi Th theo giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 04/11/2021 (gói gửi số 965) của Kho bạc nhà nước tỉnh Quảng Ninh). Bị cáo còn phải tiếp tục trả cho chị Nguyễn Mai H số tiền 1.425.000.000đ (một tỷ, bốn trăm hai mươi lăm triệu đồng).

Ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa chị Nguyễn Mai H và anh Vũ Hữu Th: Chị H phải có Ng vụ trả cho anh Th 1.550.000.000 đồng được trừ đi số tiền 50 triệu đồng đang tạm giữ tại kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Ninh (theo giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 04/11/2021 (gói gửi số 965) của Kho bạc nhà nước tỉnh Quảng Ninh). Như vậy, chị H còn phải trả cho anh Th 1.500.000.000 đồng (một tỷ, năm trăm triệu đồng).

Trả cho anh Vũ Hữu Th số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), số tiền này hiện đang tạm giữ tại kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Ninh (theo giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 04/11/2021 (gói gửi số 965) của Kho bạc nhà nước tỉnh Quảng Ninh).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu mà bị cáo chậm trả tiền, thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án

dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[3] Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a,c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax thu của Lê Văn H.

- Trả lại bị cáo Lê Văn H: 01 thẻ Căn cước công dân mang tên Lê Văn H.

(Các vật chứng nêu trên được thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng số 55, ngày 18/01/2022, tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh).

[4] Áp dụng: Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Th vụ Quốc hội, Bị cáo Lê Văn H phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 54.750.000 đồng (năm mươi tư triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự. Chị Nguyễn Mai H phải nộp 58.500.000đ (năm mươi tám triệu, năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự.

[5] Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và Ng vụ liên quan có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi và Ng vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người tham gia tt khác;
- VKSND tỉnh QN;
- Công an tỉnh QN;
- THA, Lưu VP, Toà hình sự, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trí Chinh